

# Các nhân tố tác động đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam

TRỊNH ĐOÀN TUẤN LINH\*

## Tóm tắt

Nghiên cứu đánh giá hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2013-2017 bằng kỹ thuật phi tham số với phương pháp bao dữ liệu DEA (Data Envelopment Analysis). Kết quả cho thấy, hiệu quả tổng thể của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn nghiên cứu là 76.2%, hiệu quả bình quân cao nhất đạt 79.15% và thấp nhất là 71.5%. Đồng thời, nghiên cứu cho thấy, tổng tài sản, tỷ lệ dự phòng rủi ro trên tổng dư nợ cho vay, thu ngoài lãi, tỷ lệ vốn ngoại trên tổng vốn chủ sở hữu tác động đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khóa:** DEA, Tobit, hiệu quả kỹ thuật, ngân hàng thương mại

## Summary

This study evaluates the performance of Vietnamese commercial banks in the period 2013-2017 by DEA (Data Envelopment Analysis) method using non-parametric technique. The results show that the overall efficiency of Vietnamese commercial banks in the research period registers 76.2%, the highest average efficiency is 79.15% and the lowest is 71.5%. At the same time, it is indicated that total assets, risk reserve ratio on total outstanding loans, non-interest income, the ratio of foreign capital to total equity create an impact on the performance of Vietnamese commercial banks.

**Keywords:** DEA, Tobit, technical efficiency, commercial banks

## GIỚI THIỆU

Hiện nay, hệ thống ngân hàng đóng vai trò cung cấp nguồn vốn chủ yếu cho nền kinh tế Việt Nam. Giá trị tài sản của hệ thống ngân hàng Việt Nam chiếm 94.6%, cao hơn mức trung bình khoảng 80% của các nước ASEAN. Xét về giá trị tuyệt đối, thì tổng giá trị tài sản của hệ thống ngân hàng Việt Nam thấp hơn so với 4 quốc gia trong khối ASEAN có hệ thống ngân hàng phát triển, như: Singapore, Malaysia, Thái Lan, Indonesia (Lee và Takagi, 2014). Đến ngày 31/12/2018 tại Việt Nam, 44 ngân hàng thương mại đang hoạt động, trong đó có 4 ngân hàng thương mại nhà nước, 31 ngân hàng thương mại cổ phần (trong

đó có 3 ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm cổ phần chi phối), 9 ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

Xuất phát từ tầm quan trọng của hệ thống ngân hàng đối với nền kinh tế, trong nhiều năm qua, vấn đề đánh giá hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại ở trong nước đã được quan tâm nghiên cứu. Tuy nhiên, đa phần các nghiên cứu này đã công bố đều có phạm vi hẹp, cũng như còn hạn chế nhiều về phương pháp tiếp cận. Chính vì thế, nghiên cứu này bổ sung các nội dung liên quan đến tổng thu nhập của ngân hàng thương mại như các khoản thu ngoài lãi suất tiền tệ (phí và các khoản tương đương phí trong các hoạt động dịch vụ) ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng. Đặc biệt, tỷ trọng các khoản ngoài lãi suất ngày càng tăng và đóng góp tích cực vào hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam (Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế).

\* Ngân hàng Quân đội, Chi nhánh Sài Gòn

Ngày nhận bài: 30/09/2019; Ngày phản biện: 11/10/2019; Ngày duyệt đăng: 18/10/2019

## CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### Cơ sở lý thuyết

Trên thế giới, từ lâu đã có nhiều nghiên cứu về hiệu quả hoạt động trong ngành ngân hàng. Mlambo và Ncube (2011) sử dụng phương pháp bao dữ liệu (DEA) để nghiên cứu hiệu quả hoạt động của 26 ngân hàng hoạt động tại Nam Phi giai đoạn 1999-2008. Kết quả cho thấy, hiệu suất trung bình ngành ngân hàng mặc dù có xu hướng tăng lên, nhưng số lượng các ngân hàng hiệu quả đang giảm sút và cơ cấu ngành ngân hàng có đặc trưng sự cạnh tranh độc quyền. Gardener và cộng sự (2011) dùng DEA đo lường hiệu quả kỹ thuật của các ngân hàng tại các quốc gia, gồm: Việt Nam, Thái Lan, Malaysia, Philippines, Indonesia trong giai đoạn 1998-2004 đã phát hiện tình trạng sở hữu có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả của các ngân hàng và ngân hàng có quy mô vốn chủ sở hữu lớn có xu hướng hiệu quả hơn ngân hàng có quy mô vốn chủ sở hữu nhỏ.

Apergis và Polemis (2016) sử dụng phương pháp DEA để ước lượng hiệu quả của hệ thống 217 ngân hàng thương mại của 10 quốc gia MENA. đã tìm thấy mức độ hiệu quả trung bình của hệ thống ngân hàng thương mại ở các nước MENA trong giai đoạn nghiên cứu là 77,6% và có sự khác nhau không đáng kể về hiệu quả giữa các ngân hàng trong khu vực.

Tại Việt Nam cũng có một số nghiên cứu hiệu quả của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam, như:

Nguyễn Việt Hùng (2008) dùng phương pháp tiếp cận DEA và SFA đã tìm thấy sở hữu, nguồn vốn, thị phần và môi trường vĩ mô có ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của 32 ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2001-2005.

Ngô Đăng Thành (2012) sử dụng phương pháp phân tích bao dữ liệu DEA giai đoạn 1990-2010 đã xác định hiệu suất hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam đang giảm dần khi quy mô của ngành ngân hàng tăng lên. Mặc dù thị trường tài chính tự do hơn, nhưng hệ thống ngân hàng đang hoạt động ở mức hai phần ba năng lực và có đóng góp hạn chế cho nền kinh tế.

Nguyễn Thị Cảnh và cộng sự (2014) nghiên cứu hiệu quả của 29 ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2007-2012 bằng phương pháp bao dữ liệu (DEA) và phân tích biến ngẫu nhiên (SFA). Kết quả chỉ ra rằng, hiệu quả tổng thể của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam trong thời gian nghiên cứu là khoảng 70%, trong đó hiệu quả cao nhất đạt 98,55% và hiệu quả thấp nhất là 43,80%.

### Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu dùng phương pháp bao dữ liệu (DEA) định hướng đầu vào với hiệu quả biến đổi theo quy mô để phân tích hiệu quả của 31 ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2013-2017. Nghiên cứu dùng cách tiếp cận trung gian với các biến đầu vào: Vốn chủ sở hữu; Tiền gửi của khách hàng; Vốn khác (tiền

gửi và vay từ tổ chức tín dụng khác, và Ngân hàng Nhà nước, pháp định giấy tờ có giá, chứng khoán nợ, và khác) và Chi phí hoạt động. Biến đầu ra Tổng thu nhập hoạt động để đánh giá hiệu quả hoạt động.

Phương pháp DEA (Data Envelopment Analysis) được đưa ra bởi Charnes và cộng sự (1978), dựa trên ý tưởng của Farrell (1957) về ước lượng hiệu quả kỹ thuật với đường biên sản xuất. Mô hình DEA theo định hướng tối thiểu hóa đầu vào với hiệu quả thay đổi theo quy mô (DEA<sub>rs</sub>).

$$\begin{aligned} \min_{\theta, \lambda} & \theta \\ -y^r + Y\lambda & \geq 0, \\ -\theta x^r - X\lambda & \geq 0, \\ N\lambda & = 1 \\ \lambda & \geq 0 \quad (1) \end{aligned}$$

Trong đó:  $\theta$  là đại lượng vô hướng, thể hiện mức độ hiệu quả của ngân hàng;

$\lambda$  là véc tơ hàng số Nx1;

N1 là véc tơ đơn vị Nx1.

Sau đó, nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy Tobit để đánh giá tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong thời gian nghiên cứu. Theo Gardener và cộng sự (2011), thì một trong những nhược điểm của phương pháp phi tham số là không đánh giá được mức độ ảnh hưởng của từng biến độc lập lên kết quả của biến phụ thuộc. Vì vậy, phương pháp phi tham số thường được áp dụng đi kèm với hàm hồi quy. Một trong những hàm hồi quy được lựa chọn trong nghiên cứu ngành ngân hàng phổ biến là hồi quy Tobit, như: nghiên cứu của Nguyễn Việt Hùng (2008); Gardener và cộng sự (2011); Nguyễn Thị Cảnh và cộng sự (2014); Đoàn Việt Dũng (2015); Castellanos và cộng sự (2016). Hơn nữa, nghiên cứu kế thừa từ các nghiên cứu trước và dựa vào điều kiện thực tế tại Việt Nam đã đưa ra các biến tác động đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam, gồm: SIZE (tổng tài sản của ngân hàng); EQT (vốn chủ sở hữu); DPRR (tỷ lệ dự phòng rủi ro trên tổng dư nợ); TNL (tỷ lệ thu ngoài lãi trên tổng thu nhập); VN (tỷ lệ vốn ngoại trên tổng nguồn vốn); GDP (tốc độ tăng GDP/năm); LPH (tỷ lệ lạm phát hàng năm). Nguồn dữ liệu được lấy từ báo cáo thường niên, báo cáo tài chính của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2013-2017, và

số liệu chính thức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng cục Thống kê và dữ liệu của Quỹ Tiền tệ Thế giới (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB).

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Kết quả ước lượng hiệu quả các ngân hàng bằng phương pháp DEA (Bảng 1) cho thấy, hiệu quả bình quân của toàn bộ hệ thống trong thời kỳ nghiên cứu là 76.2%. Kết quả này cho thấy, với đầu vào không đổi, hiệu quả bình quân trong điều kiện tối nhất có thể tăng thêm là 31.2%. Ngược lại, với đầu ra không đổi, thì các ngân hàng có thể tiết kiệm tối đa 23.8% đầu vào trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Như vậy, hiệu quả của các ngân hàng thương mại của Việt Nam trong giai đoạn 2013-2017 là tương đối thấp. Điều này có thể là do hệ thống ngân hàng thương mại của Việt Nam đang trong giai đoạn tái cơ cấu theo Đề án 112 và Quyết định số 254, ngày 01/03/2013 nhằm lành mạnh hóa, tiến tới phát triển vững chắc lĩnh vực tài chính - ngân hàng của Chính phủ. Trong đó, nhiều ngân hàng bị Ngân hàng Nhà nước mua với giá không đồng, như: Gbank, Oceanbank, Ngân hàng Xây dựng cùng với một số ngân hàng trong diện tái cơ cấu khác sau thời kỳ khủng hoảng 2008-2011.

Đồng thời, kết quả Bảng 1 cho biết, các ngân hàng có hiệu quả kỹ thuật cao và ổn định thuộc nhóm sở hữu hoặc liên quan đến sở hữu nhà nước và nước ngoài. Điều này cho thấy, hệ thống ngân hàng thương mại tại Việt Nam tuy có bước phát triển mạnh mẽ, nhưng khả năng kích hoạt đầu tư tư nhân còn khoảng cách so với thế giới.

Bên cạnh đó, Bảng 2 mô tả kết quả ước lượng các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả của các ngân hàng thương mại của Việt Nam bằng kỹ thuật hồi quy Tobit. Theo đó, các nhân tố, như: Tổng tài sản của ngân hàng; Tỷ lệ dự phòng rủi ro trên tổng dư nợ; Tỷ lệ thu ngoài lãi trên tổng thu nhập; Tỷ lệ vốn ngoài trên tổng nguồn vốn có tác động đến hiệu quả và được nhận diện như sau:

*Một là*, nhân tố Tổng tài sản của ngân hàng (SIZE) có tác động hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam tại mức ý nghĩa 5% ngân

BẢNG 1: HIỆU QUẢ KỸ THUẬT 31 NGÂN HÀNG GIAI ĐOẠN 2013-2017

STT	BANK	2013	2014	2015	2016	2017
1	ACB	0.925	1.000	0.773	0.959	0.959
2	AGB	1.000	0.898	1.000	1.000	1.000
3	ABB	0.605	0.621	0.646	0.609	0.609
4	BAB	0.819	0.777	0.796	0.707	0.707
5	BVB	0.778	0.602	0.621	0.647	0.647
6	BJDV	1.000	1.000	0.980	0.871	0.871
7	EIB	0.570	0.587	0.683	0.703	0.703
8	HDB	0.497	0.623	0.951	0.625	0.625
9	HSC	1.000	0.906	1.000	1.000	1.000
10	IVB	0.906	0.755	0.757	1.000	1.000
11	KLB	0.955	0.765	0.726	0.568	0.568
12	LVB	0.647	0.582	0.624	0.682	0.682
13	MSB	0.553	0.631	0.545	0.750	0.750
14	MBB	1.000	1.000	1.000	0.916	0.916
15	NAB	0.606	0.642	0.712	0.687	0.687
16	NCB	0.473	0.453	0.459	0.450	0.450
17	OCB	0.823	0.797	0.710	0.630	0.630
18	PGB	0.645	0.648	0.613	0.684	0.684
19	STB	1.000	1.000	1.000	0.551	0.551
20	SGB	1.000	1.000	0.914	0.798	0.798
21	SCB	0.503	0.670	0.743	0.584	0.584
22	SEA	0.478	0.509	0.472	0.603	0.603
23	SHB	0.465	0.743	0.746	0.698	0.698
24	SHI	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000
25	TCB	0.720	0.927	1.000	1.000	1.000
26	TPB	0.775	0.795	0.758	0.618	0.618
27	VIB	0.753	1.000	0.713	0.609	0.609
28	VAB	0.458	0.483	0.737	0.692	0.692
29	VCB	0.890	0.926	0.997	0.883	0.883
30	CTG	0.870	0.854	0.842	1.000	1.000
31	VPB	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000
Trung bình		0.765	0.780	0.791	0.759	0.715

Source: Tác giả tính toán, dựa trên dữ liệu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

hàng có quy mô càng lớn, thì hiệu quả hoạt động càng cao.

*Hai là*, nhân tố Tỷ lệ dự phòng rủi ro trên Tổng dư nợ (DPRR) có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại tại mức ý nghĩa 1%.

*Ba là*, nhân tố Tỷ lệ thu ngoài lãi trên tổng thu nhập (TNL) có tác động gia tăng hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam tại mức ý nghĩa 10%. Theo đó, ngân hàng càng gia tăng TNL, thì hiệu quả càng cao.

**BẢNG 2: CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG**

Các biến	Hệ số	Sai số chuẩn	z	P > z	Khoảng tin cậy 95%
SIZE	0.032763	0.014657	2.2400	0.0250	0.004035 0.061490
EQT	0.002459	0.032604	0.0800	0.9400	-0.061444 0.066361
DPRR	0.355354	0.088180	4.0300	0.0000	0.182523 0.528184
TNL	0.147164	0.075467	1.9500	0.0510	-0.000748 0.295077
VN	0.194595	0.035712	5.4500	0.0000	0.124601 0.264590
GDP	2.971426	1.873702	1.5900	0.1130	-0.700962 6.643814
LP	0.210172	0.477501	0.5700	0.5720	-0.665713 1.206057
Hàng số	0.332421	0.146682	2.2700	0.0230	0.044930 0.619912
Kiểm định					
Wald					102.65***
LR					66.36***
Số quan sát:					155

Nguồn: Tính toán của tác giả

Bổn là, nhân tố Tỷ lệ vốn ngoại trên tổng nguồn vốn có ảnh hưởng tích cực đến việc gia tăng hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại tại mức ý nghĩa 1%.

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Nghiên cứu đã phát hiện hiệu quả hoạt động trong các ngân hàng thương mại của Việt Nam hiện nay tương đối thấp, chỉ 76.2%. Điều này cho thấy, các ngân hàng thương mại chưa đi vào quỹ đạo phát triển bền vững

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đoàn Việt Dũng (2015). *Lý thuyết cấu trúc cạnh tranh ngành với việc nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sỹ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2. Nguyễn Việt Hùng (2008) *Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của NHTM Việt Nam*. Luận án tiến sỹ kinh tế. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
3. Antonio. Ludger & Vito (2006). Income Distribution Determinants and Public Spending Efficiency, *European Central Bank Working Paper Series*, 861, 01-55
4. Apergis, N., & Polemis, M. L. (2016). Competition and efficiency in the MENA banking region: a non-structural DEA approach. *Applied Economics*, 48, 5276-5291
5. Castellanos, S. G., Ángel, G. A. D. & Garza-García, J. G. (2016). *Competition and Efficiency in the Mexican Banking Industry: Theory and Empirical Evidence*, Publisher: Springer
6. Gardener, E. & Molyneux, P., & Nguyen, H. L. (2011). Determinants of efficiency in South East Asian Banking. *The Service Industries Journal*, 31(16), 2693-2719
7. Lee, C. L., & Takagi, S. (2014). Assessing the Financial Landscape for the Association of Southeast Asian Nations Economic Community, *Asia & the Pacific Policy Studies*, 2(1), 116-129
8. Mlambo, K., & Ncube, M. (2011). Competition and Efficiency in the Banking Sector in South Africa. *African Development Review*, 23(1), 4-5
9. Ngô Đăng Thanh. (2012). Measuring the Performance of the Banking System Case of Vietnam (1990-2010). *Journal of Applied Finance & Banking*, 2(2), 289-312
10. Nguyen Thi Canh & Le Quang Minh & Nguyen Thi Ngan (2014). Operating Efficiency of Commercial Banks in Vietnam: Technical Approach and Determinations. *International Research Journal of Finance and Economics*, 127, 65-82

sau giai đoạn khủng hoảng kinh tế toàn cầu và tái cấu trúc hệ thống tài chính - ngân hàng của Chính phủ. Bên cạnh đó, nghiên cứu đã tìm thấy các yếu tố, gồm: Tổng tài sản của ngân hàng; Tỷ lệ dự phòng rủi ro trên tổng dự nợ; Tỷ lệ thu ngoài lãi trên tổng thu nhập; Tỷ lệ vốn ngoại trên tổng lương vốn có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

Để gia tăng hiệu quả hoạt động trong hệ thống ngân hàng trong thời gian tới, theo chúng tôi, cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Các ngân hàng cần tăng cường củng cố và từng bước phát triển quy mô và xây dựng tỷ lệ dự phòng rủi ro hợp lý để gia tăng hiệu quả hoạt động. Đồng thời, việc xác định tỷ lệ dự phòng rủi ro không chỉ đảm bảo an toàn trong hoạt động, mà còn góp phần an toàn cho cả hệ thống.

- Các ngân hàng nên tích cực thu hút và hợp tác với các nguồn vốn quốc tế để gia tăng tiềm lực về vốn hoạt động, đáp ứng nhu cầu thanh khoản của nền kinh tế.

- Các ngân hàng thương mại nên tích cực đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh để mở rộng doanh thu ngoài lãi. Từ đó, vừa đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, vừa gia tăng hiệu quả hoạt động trong giai đoạn cạnh tranh gay gắt hiện nay. □